

THÔNG TƯ
Quy định về Giấy bảo vệ đặc biệt

Căn cứ Pháp lệnh Cảnh vệ năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 128/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Cảnh vệ;

Căn cứ Nghị định số 77/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Căn cứ Nghị định số 151/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định về quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư Quy định về Giấy bảo vệ đặc biệt trong Công an nhân dân như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về Giấy bảo vệ đặc biệt; thẩm quyền ký, cấp, thu hồi và đối tượng được cấp, sử dụng Giấy bảo vệ đặc biệt trong Công an nhân dân; trách nhiệm của sỹ quan cảnh vệ; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện yêu cầu của sỹ quan Cảnh vệ sử dụng Giấy bảo vệ đặc biệt khi thực hiện công tác cảnh vệ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với sỹ quan Cảnh vệ và người có thẩm quyền ký, cấp, thu hồi, quản lý, bảo quản Giấy bảo vệ đặc biệt trong Công an nhân dân; cơ quan, tổ chức, cá nhân đang hoạt động, sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Giấy bảo vệ đặc biệt là giấy do người có thẩm quyền cấp cho sỹ quan Cảnh vệ trong Công an nhân dân để thực hiện công tác cảnh vệ.

2. Sỹ quan cảnh vệ là Tư lệnh và các Phó Tư lệnh Bộ Tư lệnh Cảnh vệ; sỹ quan bảo vệ tiếp cận các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước và khách quốc tế là đối tượng cảnh vệ quy định tại Pháp lệnh Cảnh vệ; Chỉ huy Phòng Tổng hợp, Phòng Tham mưu, Phòng Bảo vệ lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Phòng Bảo vệ mít tinh, hội nghị và khách quốc tế, Phòng Kỹ thuật bảo vệ, Phòng Bảo vệ 180 thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh vệ.

3. Yêu cầu cảnh vệ là yêu cầu của sỹ quan Cảnh vệ đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong khi thực hiện công tác cảnh vệ nhằm bảo đảm an toàn tuyệt đối cho các đối tượng cảnh vệ.

4. Đối tượng cảnh vệ là những cá nhân, mục tiêu bảo vệ quy định tại Điều 10 của Pháp lệnh Cảnh vệ năm 2005.

Điều 4. Nguyên tắc cấp và sử dụng Giấy bảo vệ đặc biệt

1. Theo đúng quy định của pháp luật.
2. Cấp đúng đối tượng.
3. Sử dụng đúng mục đích.

Điều 5. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Làm giả, sửa chữa, tiêu hủy, chiếm đoạt, mua bán, cho, tặng, mượn, cho mượn, cấp, thu hồi, sử dụng trái phép Giấy bảo vệ đặc biệt.
2. Lợi dụng Giấy bảo vệ đặc biệt vào mục đích cá nhân; sử dụng ngoài mục đích cảnh vệ.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 6. Hình thức của Giấy bảo vệ đặc biệt

1. Chiều dài: Mười Xentimét (10 cm); chiều rộng: Bảy Xentimét (07 cm).
2. Mặt trước có nền đỏ tươi, xung quanh có viền vàng. Phía trên có hai dòng chữ theo thứ tự từ trên xuống: “CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM” và: “SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM”. Dòng chữ: “CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM” được trình bày bằng chữ in hoa, cỡ chữ 9, kiểu chữ đứng, đậm; dòng chữ: “SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM” được trình bày bằng chữ in hoa, cỡ chữ 8, kiểu chữ đứng, đậm. Ở giữa có in hình phù hiệu Công an nhân dân. Phía sau phù hiệu là mũi tên màu vàng chỉ theo hướng từ trái sang phải. Phía dưới có hai dòng chữ theo thứ tự từ trên xuống: “GIẤY BẢO VỆ ĐẶC BIỆT” và: “SPECIAL PROTECTION CARD”. Dòng chữ: “GIẤY BẢO VỆ ĐẶC BIỆT” được trình bày bằng chữ in hoa, cỡ chữ 20, kiểu chữ đứng, đậm; dòng chữ: “SPECIAL PROTECTION CARD” được trình bày bằng chữ in hoa, cỡ chữ 15, kiểu chữ đứng, đậm.
3. Mặt sau có các vân nhỏ in trên nền xanh nhạt, in chìm hình phù hiệu Công an nhân dân, xung quanh có viền màu xanh. Phía trên có hai dòng chữ theo thứ tự từ trên xuống: “THỰC HIỆN NGAY YÊU CẦU CẢNH VỆ” và “IMMEDIATELY PERFORM PROTECTION COMMAND”. Dòng chữ: “THỰC HIỆN NGAY YÊU CẦU

CẢNH VỆ” được đặt canh giữa, chữ in hoa, cỡ chữ 13,6, kiểu chữ đứng, đậm; dòng chữ: “IMMEDIATELY PERFORM PROTECTION COMMAND” được đặt canh giữa, chữ in hoa, cỡ chữ 12, kiểu chữ đứng, đậm. Phía dưới bên phải có bốn dòng chữ theo thứ tự từ trên xuống: “Hà Nội, ngày... tháng... năm...”; “Hanoi, date... month... year...”; “BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN”; “MINISTER OF PUBLIC SECURITY”. Dòng chữ: “Hà Nội, ngày... tháng... năm...” được trình bày bằng chữ in thường, cỡ chữ 9, kiểu chữ nghiêng; dòng chữ: “Hanoi, date... month... year...” được trình bày bằng chữ in thường, cỡ chữ 8, kiểu chữ nghiêng; dòng chữ: “BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN” được trình bày bằng chữ in hoa, cỡ chữ 9, kiểu chữ đứng, đậm; dòng chữ: “MINISTER OF PUBLIC SECURITY” được trình bày bằng chữ in hoa, cỡ chữ 7,5, kiểu chữ đứng, đậm. Có chữ ký của Bộ trưởng Bộ Công an và đóng dấu của Bộ Công an. Phía dưới bên phải có dòng: “Số:...” được trình bày bằng chữ in thường, cỡ chữ 9, kiểu chữ nghiêng. Tem bảo mật của Bộ Công an được trình bày ở chính giữa.

Điều 7. Thẩm quyền ký, cấp, thu hồi và thời hạn sử dụng Giấy bảo vệ đặc biệt

1. Bộ trưởng Bộ Công an ký Giấy bảo vệ đặc biệt và ủy quyền cho Tư lệnh Bộ Tư lệnh Cảnh vệ cấp, thu hồi.
2. Giấy bảo vệ đặc biệt được thu hồi trong trường hợp sỹ quan Cảnh vệ thôi thực hiện nhiệm vụ cảnh vệ, vi phạm quy định về quản lý và sử dụng Giấy bảo vệ đặc biệt hoặc Giấy bảo vệ đặc biệt hết thời hạn sử dụng.
3. Thời hạn sử dụng của Giấy bảo vệ đặc biệt là 5 năm kể từ ngày ký.

Điều 8. Đối tượng được cấp Giấy bảo vệ đặc biệt

1. Lãnh đạo Bộ Tư lệnh Cảnh vệ khi thực hiện công tác cảnh vệ.
2. Sỹ quan bảo vệ tiếp cận các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước và khách quốc tế là đối tượng cảnh vệ quy định tại Pháp lệnh Cảnh vệ năm 2005.
3. Chỉ huy Phòng Tổng hợp, Phòng Tham mưu, Phòng Bảo vệ lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Phòng Bảo vệ mít tinh, hội nghị và khách quốc tế, Phòng Kỹ thuật bảo vệ, Phòng Bảo vệ 180 thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh vệ khi thực hiện công tác cảnh vệ.

Điều 9. Thủ tục cấp, thu hồi Giấy bảo vệ đặc biệt

1. Đối tượng được cấp Giấy bảo vệ đặc biệt quy định tại Điều 8 Thông tư này phải có đề xuất cấp Giấy bảo vệ đặc biệt trình Tư lệnh Bộ Tư lệnh Cảnh vệ xem xét, quyết định.

Riêng sỹ quan bảo vệ tiếp cận phải có đề xuất cấp Giấy bảo vệ đặc biệt và được chỉ huy đơn vị trực tiếp quản lý xác nhận trước khi trình Tư lệnh Bộ Tư lệnh Cảnh vệ xem xét, quyết định.

2. Phòng Tham mưu thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh vệ có trách nhiệm tập hợp đề xuất cấp Giấy bảo vệ đặc biệt, lập danh sách, trình Tư lệnh Bộ Tư lệnh Cảnh vệ xem xét, quyết định.

3. Trường hợp sỹ quan Cảnh vệ được cấp Giấy bảo vệ đặc biệt để thực hiện nhiệm vụ cảnh vệ theo kỳ cuộc thì khi hết kỳ cuộc bảo vệ phải nộp lại Giấy cho đơn vị đã cấp.

Trường hợp Giấy bảo vệ đặc biệt được cấp cho sỹ quan bảo vệ tiếp cận thì khi sỹ quan bảo vệ tiếp cận thôi thực hiện công tác cảnh vệ hoặc Giấy bảo vệ đặc biệt hết thời hạn sử dụng thì người được cấp Giấy phải nộp lại Giấy cho đơn vị đã cấp.

Trường hợp vi phạm quy định về sử dụng Giấy bảo vệ đặc biệt thì Tư lệnh Bộ Tư lệnh Cảnh vệ ra quyết định thu hồi. Người vi phạm có trách nhiệm nộp lại Giấy cho đơn vị đã cấp.

4. Việc cấp, thu hồi Giấy bảo vệ đặc biệt được thể hiện bằng văn bản, có xác nhận của bên giao và bên nhận.

Điều 10. Quyền hạn và trách nhiệm của sỹ quan Cảnh vệ được cấp Giấy bảo vệ đặc biệt

1. Sỹ quan Cảnh vệ được cấp Giấy bảo vệ đặc biệt khi thực hiện công tác cảnh vệ có các quyền quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 128/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Cảnh vệ.

2. Sỹ quan Cảnh vệ được cấp Giấy bảo vệ đặc biệt có trách nhiệm:

- a) Bảo quản và sử dụng Giấy bảo vệ đặc biệt đúng mục đích;
- b) Đề xuất cấp Giấy bảo vệ đặc biệt mới 3 tháng trước khi Giấy cũ hết thời hạn sử dụng;
- c) Báo ngay thủ trưởng đơn vị trực tiếp quản lý biết trong trường hợp bị mất Giấy bảo vệ đặc biệt.

Điều 11. Xử lý vi phạm trong công tác quản lý, sử dụng Giấy bảo vệ đặc biệt

Người thực hiện hành vi vi phạm các quy định về cấp, thu hồi, quản lý, bảo quản, sử dụng Giấy bảo vệ đặc biệt thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hành chính hoặc xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật và của Bộ Công an.

Điều 12. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh yêu cầu của sỹ quan Cảnh vệ sử dụng Giấy bảo vệ đặc biệt khi thực hiện công tác cảnh vệ; phối hợp với sỹ quan cảnh vệ bảo đảm an toàn tuyệt đối cho đối tượng cảnh vệ.

Chương III HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 13. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 3 năm 2012.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

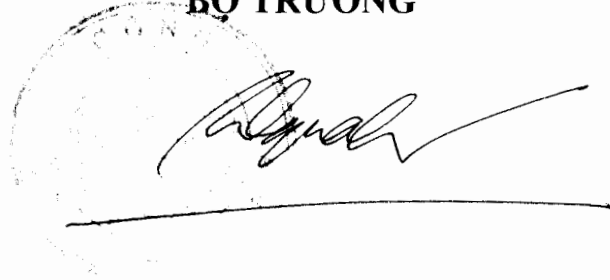
1. Tổng cục trưởng các tổng cục, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc Sở Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

2. Tư lệnh Bộ Tư lệnh Cảnh vệ có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra đơn đốc thực hiện Thông tư. *Đình*

Nơi nhận:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (để biết);
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (để biết);
- Các đồng chí Thứ trưởng (để chỉ đạo thực hiện);
- Các đồng chí Tổng cục trưởng, Thủ trưởng đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc Sở Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (để thực hiện);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- Công báo;
- Lưu: VT, K10, V11, V19.

BỘ TRƯỞNG



Thượng tướng Trần Đại Quang